

# QUAN NIỆM NGHỆ THUẬT VỀ CON NGƯỜI TRONG *GIỌT NƯỚC CÀNH DƯƠNG* CỦA THÍCH NHẤT HẠNH

**Hồ Thị Ngọc Nho**

*Học viên cao học, Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Cần Thơ, Việt Nam*

*Email: ngocnho2009@gmail.com*

## Lịch sử bài báo

*Ngày nhận: 14/12/2022; Ngày nhận chỉnh sửa: 20/3/2023; Ngày duyệt đăng: 06/4/2023*

## Tóm tắt

*Thiền sư Thích Nhất Hạnh đưa ra khái niệm “Phật giáo dân thân” vào những năm 60 của thế kỷ XX, mang đạo Phật đến gần hơn với cuộc đời. Ông còn là nhà văn, nhà thơ, nhà nghiên cứu có khoảng một trăm bốn mươi đầu sách xuất bản và được dịch ra nhiều ngôn ngữ trên thế giới. Những giá trị tinh thần quý giá đó góp phần làm cho diện mạo văn học Phật giáo Việt Nam thêm phong phú, đa dạng. Trong bài viết này, chúng tôi tìm hiểu tập truyện “Giọt nước cành dương” dưới góc nhìn quan niệm nghệ thuật về con người. Mong muốn làm sáng tỏ giáo lý nhà Phật được Thích Nhất Hạnh chuyển tải cô đọng, dễ hiểu và gần gũi khi soi chiếu vào cuộc đời. Đồng thời, chỉ ra thông điệp nhân văn mà tác giả gửi gắm.*

**Từ khóa:** *Giọt nước cành dương, quan niệm nghệ thuật về con người, Thích Nhất Hạnh.*

---

# THE ARTISTIC CONCEPTION OF HUMANS IN THICH NHAT HANH’S *GIOT NUOC CANH DUONG*

**Ho Thi Ngoc Nho**

*Postgraduate, School of Social Sciences and Humanities, Can Tho University, Vietnam*

*Email: ngocnho2009@gmail.com*

## Article history

*Received: 14/12/2022; Received in revised form: 20/3/2023; Accepted: 06/4/2023*

## Abstract

*Zen master Thich Nhat Hanh introduced the concept of “Engagement Buddhism” in the 1960s, bringing Buddhism closer to life. He is also a writer, poet, researcher with about one hundred and forty books published and translated into many languages around the world. Those precious spiritual values contribute to the richness and diversity of Vietnamese Buddhist literature. This article presents the collection of stories Giot nuoc canh duong from the perspective of artistic conception of people. The desire to clarify Buddhist teachings is conveyed by Thich Nhat Hanh in a concise, easy-to-understand and close manner when illuminating life. At the same time, it point outs the author’s humanistic messages.*

**Keywords:** *Artistic conception of people, Giot nuoc canh duong, Thich Nhat Hanh.*

---

DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.12.9.2023.1202>

Trích dẫn: Hồ, T. N. N. (2023). Quan niệm nghệ thuật về con người trong Giọt nước cành dương của Thích Nhất Hạnh. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 12(9), 65-74. <https://doi.org/10.52714/dthu.12.9.2023.1202>.

## 1. Đặt vấn đề

Trong văn học, con người là đối tượng chủ yếu để nhà văn thể hiện triết lý và quan niệm nhân sinh. Tất cả những gì liên quan đến con người, thuộc về con người đều nằm trong phạm vi biểu hiện của văn học. Theo *Từ điển Thuật ngữ văn học*: “Quan niệm nghệ thuật về con người là hình thức bên trong của sự chiếm lĩnh đời sống, là hệ quy chiếu ẩn chìm trong hình thức nghệ thuật, nó gắn với các phạm trù phương pháp sáng tác, phong cách nghệ thuật, làm thành thước đo của hình thức văn học và là cơ sở của tư duy nghệ thuật” (Lê & cs., 2010, tr. 111). Như vậy, nghiên cứu sáng tác Thích Nhất Hạnh, thấy được quan niệm nghệ thuật về con người chính là sự khám phá về con người bằng nghệ thuật, mang đậm dấu ấn sáng tạo. Trường hợp này, thấy nét độc đáo cùng cá tính riêng biệt khi thiền sư hóa thân thành nhà văn.

Thích Nhất Hạnh là vị thiền sư suốt đời theo đuổi lý tưởng của đạo Phật nguyên thủy, hướng Thiền học vào con đường tu tập trong từng hơi thở chánh niệm. “Đạo Phật dân thân” cũng do ông sáng lập với tinh thần phục vụ nhân sinh, xây dựng và bảo vệ hòa bình: “Khi bom dội lên đầu chúng sinh, bạn không thể ngồi trong thiền viện. Thiền là nhận thức về những gì đang xảy ra, không chỉ bên trong mà còn xung quanh cơ thể và cảm xúc của bạn” (Nhiều tác giả, 2022, tr. 16). Sự nghiệp của Thiền sư Thích Nhất Hạnh không giới hạn trong hoạt động phật sự và xã hội. Ông còn là thi sĩ, nhà văn thu hút độc giả trên thế giới với nhiều đầu sách được xuất bản và được dịch ra nhiều ngôn ngữ khác nhau như: *Đường xưa mây trắng*, *Nẻo về của ý*, *Am mây ngủ*, *Giọt nước cành dương*... Mang đạo Phật đi vào cuộc đời nhưng vẫn giữ được nét tinh hoa thuần túy vốn có, tư tưởng này thể hiện đậm nét trong sáng tác Thích Nhất Hạnh. Thiền sư hướng con người đến sự tỉnh thức, biết chuyển hóa khổ đau bằng tình yêu thương, từ bi và nuôi dưỡng Tâm Bồ Đề.

Tập truyện *Giọt nước cành dương* là tập hợp những câu chuyện đời thường, giản dị chứa đựng triết lý sâu sắc khi tác giả còn tập sự xuất gia. Quan niệm nghệ thuật về con người của Thích Nhất Hạnh được thể hiện qua ba khía cạnh cơ bản: con người giác ngộ, con người thấu hiểu và thương yêu, con người nuôi dưỡng Tâm Bồ Đề. Với dung lượng bài viết, chúng tôi nghiên cứu tập truyện *Giọt nước cành dương* để chỉ ra những triết lý uyên thâm sâu sắc, đồng thời thấy

được thông điệp sống chánh niệm, tỉnh thức và từ bi mà nhà văn Thích Nhất Hạnh gửi gắm.

## 2. Nội dung

### 2.1. Con người giác ngộ

Trong nhà Phật, từ “giác ngộ”, có thể hiểu là thấu triệt được lẽ thật nơi con người từ ban sơ cho tới cuối cùng: “Tiếng Pali và Sanskrit là bodhi (phiên âm là bồ-đề). Bodhi cũng như Buddha phát xuất từ tiếng gốc bud là hiểu biết” (Minh, 2020). Giác ngộ cũng còn gọi là tuệ giác, là sự hiểu biết không phải chỉ bằng trí thức mà còn bằng kinh nghiệm sống trực tiếp.

Theo *Phật học tinh hoa*, giác ngộ: “Theo cái học của nhà Phật, là một nhận thức ngược lại với tất cả mọi nhận thức trước giờ của ta đối với sự vật” (Nguyễn, 2015, tr. 47). Sự giác ngộ của con người là thấy những điều mới lạ trong những sự vật rất tầm thường trong đời mà hằng ngày bị thói quen làm cho con người không để ý.

Dễ dàng nhận thấy các nhân vật trong tập truyện hầu hết đều là con người giác ngộ. Họ tìm ra triết lý sống tích cực cho mình từ những việc bình thường, vụn vặt trong cuộc sống. Truyện *Giọt nước cành dương*, đề từ bằng hai câu thơ của Nguyễn Du:

“Cho hay giọt nước cành dương

Lửa lòng rưới tắt mọi đường trần duyên”

(Thích, 2020, tr. 7)

đã phân nào thể hiện quan niệm về con người giác ngộ của Thích Nhất Hạnh. Ông cho rằng con người khi xuất gia, đơn giản vì mến đạo Phật, mến nếp sống giải thoát, ưa đời sống thanh tịnh, đời sống ấy giúp con người tìm hiểu chân lý. Điều này hoàn toàn khác với suy nghĩ ban đầu của Vĩnh, có ý định xuất gia vì thất tình. Đó là trốn tránh cuộc đời, sẽ khó mà có khả năng chịu đựng những thử thách cuộc đời tu đạo. Trong khi người khác vào chùa cùng với một tâm niệm thành khẩn trong sáng để phát nguyện sống đời giải thoát, còn Vĩnh chỉ vì buồn nản, đau khổ mà muốn xuất gia. Đạo Phật che chở cho những tâm hồn khổ đau nhưng không phải là chỗ dung chứa những tâm hồn đen tối. Nếu vào chùa Vĩnh sẽ khổ đau hơn: “Sống trong thanh tịnh, chúng tôi thấy an lạc và giải thoát; nhưng bạn anh sẽ khổ sở điều đứng vì cái khung cảnh vắng vẻ thanh tịnh của chùa. Càng vắng vẻ, bạn anh càng sống với nội tâm, càng sống với nỗi thất vọng đau khổ của mình. Rồi mỗi khi nghe một tiếng chuông, bạn anh lại sầu héo thêm lên một chút”

(Thích, 2020, tr. 13). Tâm Quán giải thích cho Vĩnh hiểu rằng, mục đích Tăng già là giải thoát giác ngộ cho mình và cho người khác. Con người chỉ muốn lánh đời, đạo Phật có xuất thế vì cuộc đời: “tu như chúng tôi là để đào luyện cho có một căn bản đạo đức giác ngộ, để trước hết cứu khổ cho tự mình, sau lại, để giúp đỡ cho mọi người” (Thích, 2020, tr. 12). Thực tế, cuộc đời vẫn đẹp nhưng Vĩnh không còn thấy đẹp nữa. Trái lại, khi tu đạo ở chùa, Tâm Quán và chú Mãn vui vẻ yêu đời, có lý tưởng. Và lý tưởng ấy không gì khác hơn là đạo Phật. Họ muốn sống với một lý tưởng thật đáng gọi là lý tưởng. Nghĩa là động lực thúc đẩy lý tưởng ấy không phải là dục vọng si mê. Vĩnh cần thoát ra ngoài cái tâm trạng thất tình. Một thời gian nữa, Vĩnh có thể nhận ra được lý tưởng thực sự của mình để bắt đầu phụng sự cho lý tưởng đó. Sau khi suy ngẫm lời khuyên của Tâm Quán, Vĩnh bắt đầu thông suốt, được giải thoát khỏi tâm trạng đau khổ suốt hai tháng vừa qua. Vĩnh đã học Hán Văn tốt hơn để tìm hiểu về triết lý của đạo Phật, còn một năm nữa là tốt nghiệp đại học về làm việc cho nền văn học Phật giáo. Vĩnh muốn học căn bản về đời và đạo để phụng sự cho Phật giáo một cách đặc lực. Người thanh niên có lý tưởng cao đẹp và yêu đời đó đã nhờ thấm nhuần một giọt nước từ bi của Phật. Đây chính là tinh thần Phật giáo dẫn thân xuyên suốt trong tư tưởng và sáng tác của Thích Nhất Hạnh, đạo Phật đi vào cuộc đời và giúp ích cho cuộc đời, giúp con người biết cách chuyển hóa khổ đau và sống tích cực. Sự từ bi của đạo giải thoát được nhân rộng bằng những hành động thiết thực hơn là thuyết triết nằm yên trên giấy.

Trong *Những hạt com của Phật*, con người giác ngộ là con người biết quán chiếu hành động của mình trong quá trình tu đạo. Câu chuyện vô cùng gần gũi, tự nhiên và đời thường. Nhân vật “tôi” tự thấy hổ thẹn trước hành động của mình sau cái chết của con thần lằn. Mỗi trưa, nhân vật “tôi” có phận sự là dâng com cúng Phật, tình cờ phát hiện có con thần lằn luôn nhảy vào bình bát cúng Phật. Nhân vật “tôi” sợ bất kính trước Tam Bảo nên phân tâm trong lúc đọc bài cúng dường: “Nghĩ đến com dâng cúng Phật đang bị một con thần lằn vọc phá, tôi tưởng mình đã mang tội bất kính đối với Tam Bảo. Tôi thấy giận cái chú thần lằn quái nghịch kia, giận vì nó đã làm cho tôi rối loạn vì một việc không đâu” (Thích, 2020, tr. 21). “Nhân vật tôi” đọc bài cúng dường nhưng tâm xao động, có lúc muốn đuổi con

thần lằn đi nhưng cố gắng quỳ tụng cho xong bài cúng dường và hồi hướng. Hôm sau, nhân vật “tôi” không mở nắp bình bát nữa. Như mọi hôm, chú thần lằn vẫn bò dần đến bình bát nhưng đôi mắt đã trông thấy chiếc bình bát đầy nắp, ngơ ngác và bỏ đi sau đỉnh trầm. Hình ảnh đó khiến nhân vật “tôi” có nhiều suy nghĩ đan xen về hành động của mình: “Trong sát na thứ nhất, tôi thấy sung sướng vì đã trả được cái thù hôm qua, nhưng qua sát na thứ hai, tâm hồn tôi bỗng nhiên xao xuyên băng khuâng, hồi hận. Có một cái gì hình như sự tàn nhẫn, nhỏ nhen, thấp kém, đang làm cho lòng tôi vẫn đục. Tôi khổ tâm quá. Tôi không dám nhìn Đức Phật khi tôi mang bình bát đi ra” (Thích, 2020, tr. 21). Khi kể chuyện này với chú Mãn - bạn tu học - nhân vật “tôi” mới hiểu cúng com cho Phật, sau cùng là cúng tấm lòng cho Phật. Đó là hành động tưởng nhớ Đức Phật mỗi ngày, xem như Người vẫn còn tại thế nên mới cúng dường. Đó chính là khoảnh khắc nhân vật “tôi” ngộ ra chân lý: “Bản nguyện của Đức Phật là cứu khổ ban vui cho mọi loài chúng sinh. Làm cho chúng sinh bớt đau khổ tức là làm vui lòng chư Phật. Tại sao tôi lại đây nắp bình bát không cho con thần lằn lấy bớt vài hạt com để nuôi thân?” (Thích, 2020, tr. 22-23). Cúng dường chúng sinh cũng là cúng dường chư Phật, lẽ giản dị như thế mà đến giờ mới ngộ được. Từ cái chết của con thần lằn, nhân vật “tôi” quán chiếu đến một kiếp sống của chúng sinh: “Một chút sống nhỏ bé và bèo bọt nổi lên trên biển hiện tượng, rồi chìm lặn trong quên lãng nghìn đời” (Thích, 2020, tr. 24).

Người đọc dễ nhận thấy trong sáng tác của Thích Nhất Hạnh, con người giác ngộ còn là con người biết sống có chánh niệm và tỉnh thức, biết yêu thương cuộc đời và an trú trong từng phút giây hiện tại. Minh chứng tiêu biểu về con người giác ngộ trong *Một bó hoa đồng* là nhân vật người anh và người em gái. Trước khi mất, người cha căn dặn hai con giữ gìn bốn đám ruộng mà tổ tiên nhiều đời để lại. Tổ tiên chôn giấu kho bảo vật, chìa khóa là “bài kệ nơi trang 44 của cuốn gia phả”. Hai anh em vâng lời cha dạy, tìm ý nghĩa bài kệ, vẫn không hiểu được. Người anh đã gánh vác cơ nghiệp cha ông để lại nhưng lòng bất an. Anh cho rằng nhà cửa, ruộng nương, vườn tược là trở ngại cho việc tìm kiếm của mình. Cứ như thế năm tháng nối tiếp qua mau. Thấm thoát anh nông phu đã gần ba mươi tuổi. Anh thấy cuộc đời vô vị, những đêm trăng đập lúa, gái trai trong làng hội họp hát hò, anh thấy không vui. Sau cùng, anh quyết định “tạm

giao cho em tất cả sự nghiệp”, còn mình thì tìm một ngôi chùa miền Trung xa xôi, ở lại đây cho đến khi tìm ra được ý nghĩa của bài kệ. Người em ở nhà coi sóc nhà cửa, ruộng vườn. Ở chùa, người anh sẽ được rảnh rỗi hoàn toàn mà suy nghĩ về bài kệ, không còn bị công việc đồng áng cản trở nữa. Nhưng trong ba năm sống ở chốn thiền môn, anh nông phu vẫn phải làm lụng như mọi người từ gánh nước, lật rau đến đốn củi, trồng hoa vì ở chùa ai cũng làm việc như ai. Bài kệ chàng học thuộc lòng từng câu, từng chữ một: “Chàng dò thăm trong trí hàng vạn lần trong những giờ ngồi thiền. Nhưng không vỡ vạc ra được tí nào” (Thích, 2020, tr. 104). Ở đây, người anh chưa thực sự hiểu về thiền. Thiền có nghĩa là: “quay về với chính mình. Nhờ vậy mà mình biết chăm sóc những gì đang xảy ra bên trong mình, cũng như những gì đang xảy ra chung quanh mình” (Thích, 2020, tr. 201). Anh đã bỏ quên những gì đang thực sự xảy ra trong giây phút hiện tại: “Trong khi ngồi thiền hay đi thiền ta nên chấm dứt sự suy tư, vì ta thường tư duy trong trạng thái tâm tán loạn (dispersion). Tư duy đó kéo ta ra khỏi giây phút hiện tại, đưa ta đi về quá khứ hay đi tới tương lai, tạo ra sự lo lắng sợ hãi, làm cho ta không có cơ hội sống được những giây phút màu nhiệm của sự sống” (Thích, 2022b, tr. 17). Trong trường hợp này, người anh bỏ qua việc gánh nước, lật rau, đốn củi, trồng hoa... và những việc anh làm trong phút giây hiện tại. Anh đuổi theo suy nghĩ triền miên, không ý thức được những gì đang xảy ra xung quanh mình. Mặc dù ước ao tìm thấy kho vàng trong anh đã giảm dần, anh thấy bài kệ có sự liên hệ nào đó với mình trong cuộc sống hàng ngày, trong việc ăn uống ngủ nghỉ và làm việc nhưng vẫn chưa lý giải được. Anh nông phu trở về thăm người em gái của mình. Từ phía ruộng dâu đi lên, em gái đang đi giữa đàn trâu bò, tay ôm một bó hoa đồng, vừa đi vừa hát: “Lạ quá, chàng nông phu thấy cái nhìn của em mát rượi như một dòng suối làm thư thái cả thân tâm chàng” (Thích, 2020, tr. 107). Người anh nghe em mình kể về những tháng ngày anh lên chùa, ở nhà cô làm việc đồng áng một cách thanh thoi. Cô nhận ra và trân quý mọi vật đúng như bản chất của nó, đất là đất, cái cây là cái cây, con trâu là con trâu, đám mây là đám mây, cây bông sứ là cây bông sứ, cô là chính cô: “Em chợt nghĩ rằng cái em đi tìm không phải là một kho vàng mà là sự có mặt hiển nhiên của em và mọi sự vật trong trời đất” (Thích, 2020, tr. 109). Cô em đều ý thức mỗi phút giây thực tại, được làm việc

và được sống: “Em cày ruộng với ý thức thật minh mẫn, mỗi giọt mồ hôi của em nhỏ xuống ruộng đều như mang linh hồn em tưới vào đất ruộng. Con trâu thật là một người bạn đường quý giá. Em thấy giữa em và con trâu, không có ai là quan trọng hơn ai, và em thấy giữa chúng em có một mối tương quan màu nhiệm khôn tả” (Thích, 2020, tr. 109). Người anh đang đi trên châu báu lại không biết có châu báu, lo mải miết đi tìm cho ra ý nghĩa của bài kệ mà quên mất phút giây hiện tại. Sau cùng anh nhận ra, có lẽ vì anh đi tìm nên anh đã không gặp và em gái của anh đã gặp vì không có ý muốn đi tìm. Người anh như được trở về sống trong tinh thức: “Trên con đường về nông trại, chàng nông phu nghe trời đất và quê hương như một cánh tay hiền từ ôm trọn lấy lấy lòng chàng” (Thích, 2020, tr. 111).

Con người trong *Một bó hoa đồng* đã biết trở về an lạc trong từng giây phút hiện tại, họ nhận ra được giây phút đó nuôi dưỡng và chuyển hóa thành hạnh phúc chân thực. Đó là một biểu hiện của sự giác ngộ. Trong *Tri kỷ của But*, Thích Nhất Hạnh nhắc đến sự giác ngộ rằng: “Ta phải thấy được mỗi bước chân là phép lạ. Ta còn sống đây, còn đủ hai chân để đi và còn hai lá phổi để thở, đó là một sự màu nhiệm. Bước đi mà ý thức rằng mình đang còn sống và đang bước đi trên hành tinh xinh đẹp này đó là một sự giác ngộ” (Thích, 2022b, tr. 26).

Trong *Cửa từng đôi cánh gài*, Thích Nhất Hạnh quan niệm, con người giác ngộ là người trí tuệ, biết sống có chánh niệm và tinh thức. Con người tự giải thoát cho mình chứ không phụ thuộc vào một phép thần thông nào cả. Thích Nhất Hạnh cho rằng: “Tâm của chúng ta rất màu nhiệm. Có tuệ giác, có từ bi, có hạnh phúc lớn nhưng ta chưa với tới được. Ta chỉ biết quẩn quanh trong vòng buồn giận với những tâm hành tiêu cực (tham, sân, si mạn, nghi, tà kiến) mà thôi” (Thích, 2021, tr. 135). Và hình tượng chàng trai đứng sĩ là một minh chứng tiêu biểu để phân tích mỗi chúng ta trong hành trình tu học. Trên núi tu học với thầy, chàng trai vẫn chưa thực sự ngộ hết về đạo tinh thức nhưng lại mong muốn nhanh chóng đạt được thành quả xuống núi để hành đạo, cứu người, giúp đời. Cái ngã ở bên trong con quá lớn, khiến anh trở nên vô minh và không còn nhớ lời thầy dạy: “Chớ bao giờ làm một việc gì có thể gây khổ đau cho mình và cho kẻ khác, trong hiện tại cũng như trong tương lai. Hãy tiến bước mạnh dạn trên con đường mà con

chắc có thể đưa con và mọi người về nơi giác ngộ. Nên nhớ muốn đời những tiêu chuẩn khổ vui và mê ngộ mà hành Đạo, độ Đời. Thanh bảo kiếm mà ta đã trao cho con, con hãy sử dụng nó để diệt trừ ma chướng. Hãy xem nó như lưỡi gươm trí tuệ nơi tâm con sẽ dùng để hàng phục mê chướng và si vọng” (Thích, 2020, tr. 79-80).

Những lần soi kính Mê Ngộ Cảnh của chàng dũng sĩ, tác giả gửi gắm thông điệp con người trở về tinh thức. Lần thứ nhất, chàng dũng sĩ gặp một vị đạo sĩ, vốn là một con yêu quái lớn trá hình có hai nanh dài, một cặp sừng trên trán và hai con mắt xanh lè đỏ lửa. Chàng tha tội nhưng buộc yêu quái phải về tu luyện để thoát xác thành người, không lừa bịp và nuốt sống người. Lần thứ hai, chàng gặp một vị đường quan có dáng dấp cha mẹ dân. Đưa Mê Ngộ Cảnh lên thì chàng thấy là một con heo không lồ, háu đói, thèm khát vô cùng khủng khiếp. Chàng tha cho con heo về tu luyện tinh tấn không hại người dân vô tội nữa. Lần thứ ba, chàng gặp hai cô gái mặt hoa da phấn khiến mọi người mê mẩn. Nhưng thực tế là hai con rắn độc trá hình. Chàng dùng bảo kiếm cắt nọc độc, tha cho yêu súc và buộc trở về núi tu luyện không được ngậm nọc phun người. Sau nhiều lần đối diện với cuộc sống đầy mưu mô gian trá, nhiều lúc chàng phải uốn mình, linh động theo hoàn cảnh để chinh phục và chiến thắng. Chàng theo đuổi mà chàng cảm thấy vui thích hơn là ý thức rằng mình cần hoạt động để phụng sự vì lý tưởng hành Đạo, độ Đời mà thầy căn dặn trước khi xuống núi. Chàng không còn thiết tha khi nhìn thấy một hình bóng của bậc tiền nhân, cũng không giận dữ khi thấy một bóng hình yêu quái: “Và lưỡi bảo kiếm đã có thờ ơ khi có những bóng hình yêu quái xuất hiện trước kính thần” (Thích, 2020, tr. 84). Cho đến một ngày, chàng không dùng Mê Ngộ Cảnh nữa, chàng có ý định trở về tìm lại thầy. Nhưng khi đến chân núi thì trời tối: “Trăng cũng vừa lên và hai cánh cửa tùng cũng đã khép chặt lối mòn” (Thích, 2020, tr. 84). Cửa chắn ngang lối lên. Cửa chỉ tự động mở ra khi các bậc tiền nhân đến. Nhưng khi những kẻ phạm tục lên thì cửa cứ đóng chặt không thể nào vượt qua được. Nhất là khi kẻ đó có yêu khí. Chàng trai lấy Mê Ngộ Cảnh ra soi mới thấy: “hình bóng một con yêu to lớn với đôi mắt tối sâu như hai miệng giếng không đáy, hai chiếc răng dài quặp sâu vào chiếc cằm vuông, trên một khuôn mặt xám ngoét như gà cắt tiết” (Thích, 2020, tr. 87). Đây cũng là một trong

những bài học mà Thích Nhất Hạnh gửi gắm, con người tu tập phải biết sống chánh niệm trong từng giây phút, vượt qua cái ngã bên trong như Thích Nhất Đạo nhận xét rằng: “Đây là một câu chuyện có lẽ rất nhiều người trong chúng ta đã đọc qua. Có khác chăng là cảm nhận của mỗi người khi đọc câu chuyện, trong từng thời điểm. Hình ảnh cửa tùng lên núi đóng lại với chàng dũng sĩ trong câu chuyện hay cánh cửa giải thoát đang đóng lại với chúng ta, nếu chúng ta không khéo “phản tỉnh” và chiến thắng tự ngã chính mình?” (Thích, 2018).

Như vậy, con người giác ngộ là con người biết chuyển hóa khổ đau, chế tác niềm vui, niềm hạnh phúc chân thật. Cuộc sống có khổ đau nhưng cũng tràn đầy nhiệm màu. Bài pháp thoại đầu tiên mà Đức Phật thành đạo dạy là khổ và con đường đưa đến sự chuyển hóa khổ đau. Cuộc đời sẽ có nhiều chuyện bất như ý xảy đến, tuy nhiên nhờ gặp chuyện bất như ý đó mới bừng tỉnh và hiểu được. Chánh niệm về khổ đau giúp ta nhận diện những điều kiện hạnh phúc đang có mặt. Cuộc đời có khổ đau nhưng cũng có hạnh phúc. Chấm dứt khổ đau tức là có mặt hạnh phúc. Đó chính là giác ngộ.

## 2.2. Con người thấu hiểu và thương yêu

Trong tập truyện *Giọt nước cảnh dương*, bên cạnh con người giác ngộ còn có con người thấu hiểu và thương yêu. Với *Câu chuyện người con trai khờ dại*, làng nọ có một cô gái hiền hậu, siêng năng, dịu dàng và thuần cần: “Nàng là một người con gái đức hạnh vẹn toàn. Nhưng tiền nghiệp đã bắt nàng có một đôi mắt mờ đục và điều đó đã làm cho nàng khổ” (Thích, 2020, tr. 112). Các chàng trai trong xóm không buồn để ý tới nàng chỉ theo đuổi những cô gái có đôi mắt đẹp. Điều đó gây ra đau khổ cho cô gái hiền dịu rất nhiều: “Ôi! Những người có đôi mắt trong! Họ là những người có hạnh phúc hoàn toàn. Nàng thấy số phận mình hẩm hiu và nàng khóc” (Thích, 2020, tr. 113). Hôm nọ, có chàng trai đến tìm nàng, trao tặng cho nàng một cuốn sách và căn dặn, tối trước khi đi ngủ nàng phải thấp đèn đọc sách và mỗi khi lật trang hãy nghĩ đến chàng. Nếu có gì xuất hiện trên đó, nàng giữ lấy để dưới gối. Rồi mắt nàng sẽ trong và nàng sẽ đẹp. Nàng làm theo lời căn dặn của chàng trai, khi đọc đến nửa quyển nàng thấy có hai viên minh châu xuất hiện, nàng đặt hai viên ngọc dưới gối và an giấc. Sáng hôm sau, nàng trở nên xinh đẹp: “Mắt nàng không mờ đục như trước, mà trái lại

trong treo lạ thường. Tròng đen lay láy nổi bật trên màu trắng không tí vết. Mắt nàng giờ đây đã sáng, đã đẹp, đã vô cùng linh hoạt. Mắt nàng đã phản chiếu được tâm hồn nàng. Mắt nàng là cửa sổ để mọi người nhìn vào tâm hồn trong sáng và đức hạnh của nàng” (Thích, 2020, tr. 116).

Mỗi lần gặp chàng trai trẻ, đôi mắt sáng đẹp của cô trở nên mờ đục. Vì thói ích kỷ và tham lam, cô gái đã ám hại chàng để dứt trừ hậu hoạn. Người tỳ nữ hiền kẻ tặng thực phẩm đầu độc chàng. Khi chàng chết, cô mới tạm yên tâm. Sau đó một thời gian, dù có đôi mắt đẹp và được mọi người ca tụng, cô vẫn thấy có một cái gì đó đè nặng trong tâm hồn, cô khổ đau và bất an. Cô tìm đến nhà chàng trai, được lão bộc cho biết hai viên ngọc là công trình tinh luyện, kết tinh cả thể phách và tinh anh của chàng trai. Chàng biết rõ tại sao chàng chết và chàng có nói nếu chàng còn viên ngọc khác, quý giá cũng sẽ cho cô. Cô khóc sụt sùi và nhận thức được sự tàn độc, xấu xa của mình. Để an ủi cô gái, lão bộc cho cô nhìn hình chàng trai tự vẽ, đôi mắt cô lại trở về lòng đất. Cô đau khổ điên cuồng và khóc rất nhiều. Tuy nhiên, trước khi đi ngủ, cô vẫn thực hành lại phép cũ, không ngờ hai viên minh châu lại xuất hiện khi cô đọc đến trang cuối. Cô cầm lấy hai viên ngọc mà lòng nửa buồn đau, nửa sung sướng: “Chàng ơi, lòng em thì đen bạc, mà tình chàng thì không bên không bờ”. Thì ra, chàng trai trẻ nằm im trong lòng đất, mỉm cười không chịu thu về hai viên minh châu đã tặng cho nàng” (Thích, 2020, tr. 121-122). Trong *Kinh nhật tụng thiên môn*, có nhắc đến sự hiểu biết và tình thương yêu:

“Con nguyên nuôi lớn  
Tâm hiểu biết và lòng xót thương  
Để có khả năng cứu độ  
Chúng sanh mười phương  
Đang chìm đắm ngoài kia  
Trong biển đời tham dục”

(Thích, 2022, tr. 175)

Với Thích Nhất Hạnh, có thấu hiểu thì mới có yêu thương. Nếu không thấu hiểu sẽ rất khó để có tình thương chân thật. Ở đây, cô gái không thấu hiểu được tâm lòng của chàng trai trẻ, chỉ nghĩ đến bản thân và chạy theo những ảo vọng. Sự ích kỷ đó dẫn đến sự độc ác, đầu độc hại chết chàng. Ngược lại, chàng trai trẻ là người trao gửi tình thương chân

thật, tình thương này không có tính toán, không đòi hỏi điều kiện. Chàng chỉ một lòng mong muốn cô gái mình thương yêu được an vui và hạnh phúc. Bởi vì cô gái hạnh phúc thì chàng cũng sẽ hạnh phúc. Tự tánh ở chàng trai đó là vô ngã, là không có cái ta riêng biệt. Tuệ giác này đã giúp chàng nhận thức sâu sắc là niềm hạnh phúc, khổ đau của chàng tùy thuộc vào hạnh phúc, khổ đau của cô gái. Con người chỉ thực sự thương yêu và có được yêu thương khi có sự thấu hiểu chân thật mà thôi.

Trong *Bưởi*, người đọc luôn nhận thấy những tâm hồn khổ đau, ích kỷ vì tình yêu. Sau đó họ suy ngẫm và nhìn lại bản thân, sống vị tha, thương yêu và thấu hiểu nhau hơn. Bưởi mồ côi cha, từ khi mẹ mất nên Bưởi về sống với người cô - Bà Bảy. Bưởi làm việc rất giỏi, đỡ dần công việc cho hai chị - con ruột của Bà Bảy. Làm việc cực nhọc nhưng Bưởi thường hay bị Bà Bảy đánh đòn. Bưởi thường bị bắt nhịn đói, đánh mắng oan ức, nhiều lần bị chèn ép. Cũng vì ganh tỵ với nhan sắc mặn mà của Bưởi mà họ trở nên ích kỷ và độc ác với Bưởi. Bưởi quyết định bỏ nhà đi, tìm vào rừng mà sống. Nàng gặp một chàng nông dân ở trên mặt trăng, chàng tên là Đan. Đan nghe Bưởi kể về những chuyện nàng trải qua, thấy thương Bưởi, Đan đề nghị Bưởi cùng Đan kết nghĩa vợ chồng. Nghĩ mãi, Bưởi tự thương cho thân phận mình nên Bưởi quyết định ở lại mặt trăng, hai người thành đôi vợ chồng. Bưởi học làm ruộng làm vườn theo đời sống trên trăng rất mau. Không bao lâu sau hai người có cuộc sống sung túc, Bưởi sinh được hai đứa con, con trai đặt tên Hạ, con gái đặt tên là Xuân. Đan hiền lành, chưa khi nào nặng lời với Bưởi, đời sống yên bình bên hai đứa con kháu khỉnh, dễ thương.

Ồi là chàng trai trước đây đem lòng yêu Bưởi. Biết nàng đang ở mặt trăng, chàng đã leo lên tìm Bưởi. Ồi biết Bưởi có chồng thì nghe nhói đau trong tim, nhưng Ồi cố gắng không tỏ vẻ thất vọng. Ồi không thuyết phục được Bưởi về dưới đất nên bèn xoay câu chuyện sang hướng khác, kể về những đời sống, cảnh tượng, món ăn quen thuộc ở dưới đất và nói Bưởi có thể về thăm chơi vài hôm rồi lên trở lại mặt trăng. Bưởi nghe theo, hai người đến chỗ đọt tre để tuột xuống, đợi cho Bưởi tuột một hồi, Ồi mới tuột: “Nhưng anh chàng chỉ tuột bằng hai bàn chân và cánh tay trái. Cánh tay còn lại Ồi dùng để cầm chiếc rựa. Tuột tới đâu Ồi chặt đứt thân tre tới đó.

Ồi chặt thật mạnh khiến cho những đọt tre đứt rời ra và rơi xuống đất rào rào tới tấp” (Thích, 2020, tr. 172). Đến lúc Bưởi muốn về lại mặt trăng, nhờ Ổi đưa về lại gốc tre, lúc này Ổi lặng thinh: “Ồi vừa có vẻ buồn rầu vừa có vẻ lo sợ” (Thích, 2020, tr. 173). Bưởi trở lại rừng, không tìm được đường về trăng, bởi cây tre bị đứt ngang, chỉ cao chừng bốn năm cây sào. Bưởi: “Khóc rống lên, mái tóc xỏ tung, hai mắt đỏ ngầu. Bưởi hét đập hai tay vào ngực mình lại đập hai tay vào vai Ổi” (Thích, 2020, tr. 174). Ổi chỉ thành thật thừa nhận do Ổi thương Bưởi quá nên mới làm như vậy. Ngày nào Bưởi cũng khóc, sự đau khổ của người mẹ xa con, người vợ xa chồng: “Cả một khu rừng vang tiếng khóc than kêu gào của Bưởi”, “Nghĩ tới chồng, tới con giờ này đang trông đợi, Bưởi lại khóc òa như mưa. Bưởi khóc như vậy trong vòng bảy ngày bảy đêm, không ăn cũng không ngủ”, “Ngồi nghĩ hồi lâu nhớ tới chồng con, Bưởi lại khóc” (Thích, 2020, tr. 175). Thời gian trôi qua, Bưởi đã khóc hết nước mắt, giờ Bưởi không khóc nữa. Bưởi tha thứ cho Ổi và nàng biết chấp nhận số phận của mình: “Bưởi và Ổi bắt đầu lại một cuộc sống mới bên nhau” (Thích, 2020, tr. 176). Ổi gieo lúa trồng bắp, chẳng mấy chốc tậu được ruộng vườn, Bưởi có thêm nghề dệt vải. Sau đó Bưởi hạ sinh được một bé gái kháu khỉnh, đặt tên là Thu: “Có Thu, lòng Bưởi như ấm lại, tim Bưởi như mọc rễ. Rễ bám vào lòng đất. Hương quê đậm thắm đã khiến tóc Bưởi xanh lại, mặt Bưởi tươi cười hơn” (Thích, 2020, tr. 176).

Ở trên mặt trăng, hai con khóc quá vì nhớ thương mẹ nên biến thành hai vũng nước. Đau xót, Đan ngồi khóc mãi. Cuối cùng Đan cũng biến thành nước mắt. Nước mắt của Đan hòa với nước mắt của hai con thành một vũng khá lớn. Rồi ba cha con cũng tìm được Bưởi ở dưới mặt đất. Trong lúc chưa biết phải làm sao vì gần ba năm ở với Ổi, ân nghĩa cũng đã nặng. Nếu về Trăng thì Bưởi sẽ nhớ Ổi và con Thu. Bưởi đang thấy đau khổ, không biết làm sao cho vẹn toàn. Lúc này Ổi đi chợ về. Hoảng hốt quá đau khổ quá, Bưởi bèn nhặt lấy cái rựa của chồng để ở góc nhà, cầm rựa trong hai tay, bỏ ngược lưỡi rựa vào đầu mình: “Lưỡi rựa của Bưởi phập trúng vào đầu Bưởi đúng vào một giờ rất thiêng, giờ Hoàng Đạo, nên phép lạ hiển hiện. Lưỡi rựa sắc bén từ trên đỉnh đầu theo đà tay Bưởi đi thẳng xuống cổ, xuống ngực, xuống bụng và chẻ Bưởi ra làm hai mảnh đều đặn. Trong phút chốc, đứng trước ba cha con là hai

cô Bưởi giống nhau y hệt, tuy rằng thân hình mỗi cô nhỏ bé hơn trước” (Thích, 2020, tr. 180). Bưởi Chị đưa Đan và hai con băng khỏi đất vườn của nhà Ổi và ra tới đầu xóm Thượng. Bưởi thấy tình thương yêu của Bưởi đối với Đất, thì bây giờ Đan cũng vậy, chắc Đan cũng nhớ đời sống trên Trăng, nhớ nhà, nhớ vườn, nhớ ruộng, nhớ những thức ăn, nhớ những tiếng chim, nhớ cây cối và giọng nói trên đó. Bỗng nhiên Bưởi thấy thương Đan vô hạn. Bưởi coi mặt đất và trên trăng là quê hương.

Bưởi Em sống với Ổi và Thu rất hạnh phúc, mỗi khi nhớ đến Bưởi Chị, Bưởi mỉm cười thấy lòng triu mến, đã có Bưởi Chị săn sóc cho Đan và hai con, Bưởi thấy an ổn. Bưởi không lo lắng cho Đan, cho Hạ và cho Xuân. Biết đã có Bưởi Chị bên cạnh những người ấy, Bưởi đinh ninh họ sẽ có hạnh phúc. Bưởi an lạc vì Bưởi vừa được ở trên Trăng mà vừa được ở dưới Đất. Nhưng mà mây ai đã hiểu phép Phật nhiệm màu phân thân như Bưởi. Như Thích Nhất Hạnh từng chia sẻ: “Cái mình gọi là ngã làm bằng những yếu tố không phải là ngã. Không có sự tách biệt giữa ta và người, vạn vật đều liên đới, gắn kết với nhau. Một khi nhận thức được điều đó, ta sẽ không còn kẹt vào ý niệm ta là một thực thể riêng biệt” (Thích, 2020, tr. 201). Bưởi thấy an lạc, hạnh phúc dưới Đất thì tin chắc rằng trên Trăng, Bưởi Chị cũng đang an lạc hạnh phúc: “Đất hay Trăng đều nằm trong lòng mình. Đó là cái lý do khiến cho Bưởi an lạc. Hoài bão của Bưởi là làm cho Đan và hai con cũng được an lạc như mình” (Thích, 2020, tr. 188). Đạt được hạnh phúc thì dễ, nhưng để giữ gìn và duy trì hạnh phúc mới khó. Thương nhau thì dễ, làm sao cho tình thương đó tiếp tục được ngọt ngào, nuôi dưỡng mới là chuyện khó.

Trong *Trả về*, con người yêu thương được thể hiện rõ nét qua hình ảnh của vị thiền sư Nhất Định. Thiền sư lên núi Dương Xuân Thượng, dựng An Dưỡng Am tịnh tu và nuôi dưỡng mẹ già. Ngài theo lời Phật dạy: sống vào thời đại không có Phật thì phụng sự cha mẹ cũng có công đức như phụng sự Phật. Mặc dù là thiền sư nhưng Ngài vẫn chăm sóc cho mẹ già. Khi mẹ bệnh, cần ăn món bổ dưỡng, thiền sư xuống tận chợ mua một con cá nấu cháo cho mẹ. Mọi người thấy Ngài xách con cá lấy làm ngạc nhiên nhưng không dám nói gì vì biết Ngài là cao tăng. Mà dù cho người ta không hiểu, có đàm tiếu thì Ngài thản nhiên, sự thản nhiên đó chứng tỏ Ngài đang biết Ngài đang làm việc gì và bất chấp những dư luận vô minh.

Ngài làm việc đó xuất phát từ tình thương yêu chân thật, từ tấm lòng hiếu thảo dành cho mẹ già. Nhân vật “tôi” lại vô cùng xúc động khi nghe được câu chuyện về thiền sư Nhất Định: “Đó là một thái độ thật phóng khoáng, giải thoát không hề bị giáo điều ràng buộc. Một bài thơ tình thương mà kẻ cố chấp không bao giờ làm nổi, không bao giờ hiểu nổi” (Thích, 2020, tr. 90). Sau này An Dưỡng Am đã trở thành một cảnh chùa lớn và được vua Tự Đức, một vị vua cũng rất có hiếu với mẹ, sắc phong là “Sắc Tứ Từ Hiếu Tự”. Thích Nhất Hạnh cho rằng, con người thấu hiểu và thương yêu còn là sự dẫn thân, duy tân đạo Phật, đem đạo Phật vào cuộc đời vì lý tưởng phụng sự. Nhất là trong hoàn cảnh đất nước ly loạn: “Chiến tranh đang gây thảm họa. Sự chia rẽ thù hận lên tới cao độ. Bao nhiêu tiếng kêu đau thương của chết chóc, đói rách, tù đầy. Chúng ta làm sao an tâm sống mãi những ngày êm ả trong tu viện?” (Thích, 2020, tr. 96). Nhân vật “tôi” biết trở về với phút giây hiện tại, tiếp xúc với những màu nhiệm của sự sống đang có mặt. Thương không chỉ từ tế với chính mình mà còn là khởi phát những mong muốn cho mọi người cũng có sự bình an và niềm vui.

Nhìn chung, con người có thấu hiểu thì mới có thương yêu. Tình thương xuất phát từ trí tuệ bởi vì bản chất của từ bi là trí tuệ. Nói cách khác, trong đạo Phật, thương yêu được tạo nên từ chất liệu là hiểu biết. Hiểu biết là hoa trái của chánh niệm, của thiền quán. Tình thương yêu trong mỗi con người có thể nuôi dưỡng, vun trồng mỗi ngày. Nuôi dưỡng thân tâm bằng niềm vui, bằng sự nhẹ nhàng cũng chính là đang thực tập thương yêu.

### 2.3. Con người nuôi dưỡng Tâm Bồ Đề

Theo *Từ điển Làng Mai*, Tâm Bồ Đề là: “Tâm của người vừa phát nguyện đi con đường của Bụt, chuyên hóa phiền não và độ đời. Tâm ban đầu là một năng lượng rất hùng hậu, là năng lượng thúc đẩy ta đi xuất gia, đó là tâm Bồ Đề (bodhicitta). Tâm ban đầu cần phải được nuôi dưỡng và bảo vệ. Tâm ban đầu còn vững thì mọi chướng ngại trên con đường tu học và hành đạo đều có thể vượt qua”.

Con người trong truyện ngắn của Thích Nhất Hạnh thường có ý thức nuôi dưỡng Tâm Bồ Đề được thể hiện khá rõ nét qua các truyện như: *Chiếc áo*, *Di Tu*, *Chú Dương*, *Tiếng chuông giao thừa...*

Trong *Chiếc áo*, hình ảnh người thầy ngồi trên bồ đoàn, trang nghiêm ngồi khâu lại đường rách của

chiếc áo nâu cũ, trao truyền nhân vật “tôi” mặc trong lễ thọ giới xuất gia thật đẹp. Dưới ánh sáng lung linh của cây đèn bạch lập, thầy ngồi bán già, ung dung đưa những mũi kim qua làn áo vải, mắt thầy còn sáng và dáng thầy vẫn thẳng. Áo trắng đó là thứ áo mà trong luật gọi là áo giải thoát, giải thoát phục. Khi thấy đệ tử đến gần, thầy dạy câu chuyện trong kinh, có vị đại đệ tử chỉ nhờ khâu y mà chứng ngộ. Mỗi một mũi kim Ngài làm phát sinh một tâm niệm lành, một tâm niệm giải thoát. Cho đến ngày kia khi mũi kim vừa thấu qua làn vải, Ngài liền thấu suốt được pháp môn thâm diệu, và trong sáu mũi liền tiếp, Ngài đã chứng được lục thông. Nhân vật “tôi” nhìn thầy với niềm kính yêu vô cùng. Dù chiếc áo có hơi rộng nhưng nhân vật “tôi” cảm thấy hân hoan đến gần chảy nước mắt: “Tôi cảm động vì sống trong đạo giải thoát tôi đã được tiếp nhận một thứ tình thiêng liêng, trong sáng; một thứ tình êm nhẹ thanh thoát đượm ngát hương vị lý tưởng đã từng nuôi dưỡng chí nguyện của tôi trong suốt bao nhiêu năm trường xuất gia tu học” (Thích, 2020, tr. 29). Hình ảnh của người thầy ngồi khâu lại chiếc áo rách, trao truyền cho đệ tử trong lễ thọ giới gây nên những nỗi niềm xúc động. Đó không chỉ là chiếc áo, mà còn là biểu tượng của sự tiếp nối. Nhân vật “tôi” như được thầy nhắc nhở nuôi dưỡng tâm thiện lành, sự giải thoát trong từng giây phút tu học. Sự tiếp nhận bằng tất cả niềm khuyến khích vô biên kèm theo một tình thương dịu dàng, kín đáo từ thầy: “Thân tôi lúc ấy không quỳ trước Đức Phật, miệng tôi lúc ấy tuy không đọc lời đại nguyện độ sinh, nhưng lòng tôi lúc ấy thật đã phát lời thệ nguyện rộng sâu để sống cuộc đời phụng sự”. (Thích, 2020, tr. 29).

Trong *Di Tu*, di xuất gia đã lâu, di trên sáu mươi tuổi. Tuy đã già nhưng di rất ham học. Di cũng rất siêng năng trong việc tu học: “Không có thời tịnh độ nào là di không đi. Mỗi khi gần đến giờ tịnh độ là di lo rửa mặt, rửa tay thật sạch sẽ. Di mặc chiếc áo rộng màu lam, cổ đeo một tràng hạt huyền đen nhánh, chân đi đôi guốc lẹp lẹp” (Thích, 2020, tr. 32). Di đã thuộc lòng Di Đà, Hồng Danh Khể Thủ và Quy Mạng. Di muốn học Lăng Nghiêm. Chú Tâm Mãn và “tôi” sợ di không thể nào học thuộc được Lăng Nghiêm, bởi vì chú Lăng Nghiêm dài gấp năm sáu lần chú Đại bi. Nhưng di tha thiết và thành khẩn nên cả hai đồng ý dạy cho di học: “Trưa ngày hôm sau, vào giờ “chỉ tịnh” tôi xuống bếp tìm mượn cây dao nhíp lên rọc giấy đóng sách, thì thấy di đang



dựa lưng vào thành cối ngũ gât, tay cầm quyển kinh” (Thích, 2020, tr. 36). Sự tu học tinh tấn và chuyên cần của di Tư nhắc nhở và là nguồn động viên tinh thần cho những người tu học còn trẻ như “tôi”, như chú Mãn. Để suốt đời phụng sự cho sự nghiệp của đạo giải thoát.

Trong *Chú Dương*, Chú Dương khoảng hơn bốn mươi tuổi, chú không có tay trái nên làm gì chú chỉ dùng tay phải. Chỉ một tay mà chú làm được mọi việc, chú có thể múc nước ở giếng, hái củi, cuốc đất. Tay có tật chỉ giúp chú như một điếm tựa: “Chú là một nhân vật đặc biệt trong chùa và là một người đã giúp tôi suy nghĩ rất nhiều đến sự cần mẫn và đức tin vững chãi nơi những cố gắng đều ở hiện tại” (Thích, 2020, tr. 55). Đây là người khiến cho nhân vật “tôi” kính trọng, mặc dù chú Dương không có cơ duyên học nhiều, nhưng chính sự trì chí của chú Dương thì nhân vật “tôi” và chú Mãn chắc chắn không bằng: “Tôi có cảm tưởng rằng đi đâu, mấy mươi kiếp về sau trở lại chùa, tôi vẫn gặp chú Dương với phong độ, nụ cười và niềm tin cũ. Chú Dương như một cây đại thọ nhiều hùng lực, khiến tôi say mê” (Thích, 2020, tr. 58). Khi viết những dòng về chú Dương, nhân vật “tôi” tự nhiên thấy băng khuâng, e ngại vì không biết sau này mình có được an tĩnh, vững chãi trong tâm hồn, có giữ gìn được tâm ban sơ trên con đường cam khổ như chú Dương hay không: “và chỉ cần nhìn nơi chú thôi, chúng tôi cũng biết rằng đời chú sẽ còn vững chãi mãi mãi như thế” (Thích, 2020, tr. 59). Có lẽ chính những biến chuyển của xã hội đã xâm chiếm con người của nhân vật “tôi” khá nhiều, khó mà tìm được sự an tĩnh, vững chãi như chú Dương. Tuy nhiên, chú Dương là điếm tựa nâng đỡ tinh thần cho nhân vật “tôi”, cho thế hệ trẻ tu học ở chùa có thêm niềm tin, động lực, sống có lý tưởng khi nản lòng: “Con người của chúng tôi bị thực tại xã hội xâm chiếm quá nhiều, và trong chúng tôi niềm thắc mắc chung của thời đại đã trở thành niềm thắc mắc riêng tư. Cho nên tôi càng thấy nếp sống bình tĩnh và vô tư của chú Dương là quý hóa” (Thích, 2020, tr. 61).

Trong *Tiếng chuông giao thừa*, giữa thời buổi loạn lạc, biết bao gia đình giàu có tan rã thảm thương khi đi lánh nạn, biết bao gia đình nghèo đã an toàn khi họ ở lại. Đi lánh nạn, những người này lại tìm thấy tai nạn. Nói như lời của di Tư mà đúng: “Thời này, tai ương hoạn nạn đầy đường. Lấy đức mà đo chứ

không thể lấy sự giàu có khôn ngoan mà đo được” (Thích, 2020, tr. 51-52). Có lẽ chiếc áo giáp phòng thân chắc chắn nhất là tâm đức của con người, là sự ăn ở theo lẽ phải của mình. Họa phước đều do con người tự tạo ra, không phải do một sự tình cờ nào đưa đến. Tâm đức cần được vun trồng và nuôi dưỡng mỗi ngày. Trước thời khắc chuyển giao năm cũ sang năm mới, mọi người trở dậy cúng giao thừa, mọi thứ bỗng trở nên hiền lành. Tiếng đại hồng chung oai nghiêm và âm áp đã xua đuổi những bóng hình sợ hãi và đánh tan u tịch. Những nguyện lành cầu mong an vui trước Đức Phật như tiếng chuông chánh niệm, đưa mọi người trở về trong tỉnh thức, mùa xuân đang về trên đất nước ly loạn: “Đại hồng chung vẫn khoan thai điếm từng tiếng rành rọt. Âm thanh ngân dài, âm áp và thuần hậu. Chúng tôi trở vào, quý dưới Phật đài, cùng với đại chúng tha thiết dâng lời cầu nguyện, cầu nguyện cho một mùa Xuân đất nước an vui” (Thích, 2020, tr. 54).

Như vậy, khi có chánh niệm thì ta biết ta đang nghĩ gì. Hạt giống chánh niệm là một hạt giống quý trong đất tâm. Tu tập hàng ngày của mỗi người là để tiếp xúc được với hạt giống đó, giúp nó nảy mầm, nở hoa và làm đẹp cho đời mình và đời những người xung quanh:

“Thức dậy miệng mỉm cười

Hăm bốn giờ tỉnh khôi

Xin nguyện sống trọn vẹn

Mắt thương nhìn cuộc đời”

(Thích, 2021b, tr. 175)

Chánh niệm làm sự sống có mặt. Mỗi khi tiếp xúc được với khổ đau, hiểu được khổ đau của chính mình và của người khác thì năng lượng từ bi sẽ phát khởi trong tâm. Năng lượng từ bi có thể chữa lành cho ta và cho người khác. Học chế tác niềm vui và hạnh phúc bằng cách tiếp xúc với những mâu nhiệm của sự sống, và chế tác năng lượng từ bi bằng cách tiếp xúc và tìm hiểu hiểu nỗi khổ niềm đau là những cách thức mà ta có thể làm được. Theo *Trái tim của Bụt*, Bồ Đề Tâm là: “Tức là một ý chí, một ước muốn rất thâm sâu trong tâm thức của ta. Bồ Đề Tâm tức là ao ước được giác ngộ, được hiểu biết, được có chánh kiến để có thể tạo ra hạnh phúc cho nhiều người, cho nhiều loài. Động lực khiến một người đi tu là Bồ Đề Tâm.” (Thích, 2021b, tr. 138).

Có thể thấy, một người khi có được Bồ Đề

Tâm, mỗi ngày tâm niệm để có thêm tuệ giác, có thêm chánh kiến, có thêm năng lượng để tự tu và giúp người khác vượt thoát khổ đau. Bồ Đề Tâm sẽ trở thành một vùng năng lượng rất lớn, đẩy chánh tư duy đi tới mục đích một cách nhẹ nhàng. Nuôi dưỡng tâm Bồ Đề trong đời sống hằng ngày bằng chánh niệm giúp con người đi đúng đường, đúng hướng của đạo giải thoát.

### 3. Kết luận

*Giọt nước cành dương* đã bộc lộ cái nhìn về con người của thiền sư Thích Nhất Hạnh. Sáng tác của ông chứa đựng rất nhiều màu sắc chốn thiền môn. Từ đây, chúng tôi đọc được những quan niệm nghệ thuật về con người, cụ thể là con người giác ngộ, con người thấu hiểu và thương yêu, con người nuôi dưỡng Tâm Bồ Đề.

Con người biết sống trong chánh niệm, tinh thức và từ bi cho dù cuộc đời có nhiều chuyện bất như ý hay khổ đau xảy đến. Họ ý thức được rằng thấu hiểu và thương yêu chính là phương thuốc nhiệm mầu để chuyển hóa nỗi khổ đau trở thành những niềm vui chân thật, niềm hạnh phúc chân thật. Con người có thể nuôi dưỡng sự từ bi trong tâm bằng những hạt giống của chánh niệm, của trí tuệ và của thương yêu. Đó là cách giúp con người vượt thoát đau khổ, tìm thấy an lạc ngay ở phút giây hiện tại.

Trong xã hội ngày nay, người trẻ dễ bị căng thẳng và phiền muộn do bị cuốn xoáy vào cuộc sống vật chất và công nghệ. Đôi lúc họ không tránh khỏi những bế tắc, khổ đau và tổn thương khi loay hoay trong lối sống tiện nghi mà vẫn không thấy thỏa mãn, cảm thấy có nhiều khoảng trống trong tâm hồn. Thực tập tri túc để biết rằng chúng ta sống hạnh phúc được ngay trong phút giây hiện tại, nhận diện được những điều kiện hạnh phúc mà chúng ta đang có. Đây cũng chính là thông điệp lớn nhất mà Thích Nhất Hạnh gửi gắm qua tập truyện *Giọt nước cành dương*.

### Tài liệu tham khảo

- Làng Mai. Từ điển Làng Mai-T. *Làng Mai*. Truy cập từ: <https://langmai.org/tang-kinh-cac/tu-dien-lang-mai/tu-dien-lang-mai-t/>.
- Lê, B. H., Trần, Đ. S., & Nguyễn, K. P. (Đông chủ biên). (2010). *Từ điển thuật ngữ văn học*. Hà Nội: NXB Giáo dục.
- Minh, T. (25/09/2020). Giác ngộ là gì. *Phật giáo*. Truy cập từ: <https://phatgiao.org.vn/giac-ngo-la-gi-d43861.html>.
- Nguyễn, D. C. (2015). *Phật học tinh hoa*. Thành phố Hồ Chí Minh: NXB Trẻ.
- Nhiều tác giả. (2020). *Người thầy của tinh thức và thương yêu*. Thành phố Hồ Chí Minh: NXB Hồng Đức và Phuongnambook.
- Nhiều tác giả. (2022). *Thích Nhất Hạnh người thầy sáng con đường tinh thức*. Thành phố Hồ Chí Minh: NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
- Thích, N. Đ. (01/04/2018). Giới thiệu sách: Giọt nước và cành dương. *Thư viện hoa sen*. Truy cập từ: <https://thuvienhoasen.org/a29464/gioi-thieu-sach-giot-nuoc-canh-duong>.
- Thích, N. H. (2020). *Giọt nước cành dương*, Thành phố Hồ Chí Minh: NXB Phuongnambook và Hồng Đức.
- Thích, N. H. (2022). *Kinh nhật tụng thiền môn*. Thành phố Hồ Chí Minh: NXB Hồng Đức và Phuongnambook.
- Thích, N. H. (2021). *Làng Mai nhìn núi Thửu*. Thành phố Hồ Chí Minh: NXB Hồng Đức và Phuongnambook.
- Thích, N. H. (2021b). *Trái tim của Bụt*. Thành phố Hồ Chí Minh: NXB Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh.
- Thích, N. H. (2022b). *Tri kỷ của Bụt*. Thành phố Hồ Chí Minh: NXB Thế giới và Phuongnambook.